TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/DS-ST
Ngày 25-11-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán (tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tuấn Kiệt

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán (tài sản) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280a/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai C, sinh năm 1997; địa chỉ liên hệ: Ấp L, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản uỷ quyền ngày 16-11-2023. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông H, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Phương G, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-5-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T có người đại

diện hợp pháp trình bày cho rằng trước đây vào năm 2021, Hộ kinh doanh T có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với vợ chồng ông H, bà Nguyễn Thị T2 thông qua lời nói, sau đó ký Hợp đồng mua bán ngày 28-6-2022. Bên cạnh đó, nguyên đơn còn giao dịch với bị đơn ông H, bà T2 thông qua Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng" và mỗi lần giao hàng đều được ông H, bà T2 hoặc người thân trong gia đình ký xác nhận. Về hàng hóa thì được nhân viên của nguyên đơn chở tận nơi theo yêu cầu của bị đơn hoặc người nhà của bị đơn đến lấy tại kho của nguyên đơn. Các bị đơn tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi nguyên đơn yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm nợ cho nguyên đơn, việc bị đơn nuôi tôm thất không đương nhiên mất nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình thực hiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù thời điểm này ông Nguyễn Thanh V đang là Chủ hộ kinh doanh T nhưng hiện tại đã được thay đổi sang ông Nguyễn Thanh T theo văn bản thỏa thuận ngày 10-8-2023, do đó ông Tin được quyền đối với các giao dịch trước đây của Hộ kinh doanh T. Nay nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông H và bà Nguyễn Thị T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền vốn 60.687.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 10%/năm trên số tiền thanh toán chậm tính từ ngày vi phạm hợp đồng, đồng thời phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ trên ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả cho nguyên đơn tiền nợ 60.687.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 5-7-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày cho rằng thời điểm năm 2021-2022 thì Trần Phương G là con rể sinh sống cùng nhà với vợ chồng bà. Năm 2021, vợ chồng bà có mua bán thức ăn với Hộ kinh doanh T, đến năm 2022 thì vợ chồng bà không nuôi tôm và không mua bán với Hộ kinh doanh T nữa, mà chuyển cho con rể Trần Phương G, hợp đồng mua bán năm 2022 sau này thì bà không rành, do ông G là người thực hiện, do đó số tiền nợ thức ăn 60.687.000 đồng với Hộ kinh doanh T là của ông G chứ không phải của vợ chồng bà. Qua xem chữ ký tên bên mua "H, Nguyễn Thị T2" trong Hợp đồng mua bán đề ngày 28-6-2022 thì bà xác nhận chữ ký tên "Hùng" là chữ ký của ông H, còn chữ ký tên "Tràm" không phải là chữ ký tên của bà; chữ ký tên khách hàng "H" trong Bảng đối chiếu công nợ tháng 8/2022 là chữ ký, chữ viết tên của ông H; chữ ký tên khách hàng "Nguyễn Thị T2" trong Bảng đối chiếu công nợ tháng 03/2023 là chữ ký, chữ viết tên của bà T2. Những lần ký đối chiếu công nợ này là vợ chồng bà ký đối chiếu nợ giùm cho ông G. Còn chữ ký tên "Tràm" vào ngày 30-6-2022 trong Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng" là chữ ký của bà, những lần này do phía nguyên đơn giao hàng đến nhưng không có ông G ở nhà, có bà ở nhà nên bà nhận hàng thay và ký tên vào Sổ giao nhận hàng trên, sau đó bà giao hàng này lại cho ông G sử dụng nuôi tôm. Ngoài ra, khi phía nguyên đơn đến thu tiền hàng thì bà có đứng ra trả giùm cho ông G số tiền 15.000.000 đồng ngày 22-8-2022, số tiền 10.000.000 đồng ngày 23-11-2022, số tiền 2.000.000 đồng ngày 26-11-2022, những lần này bà ghi tên "Hùng" trong Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng". Do đó, bà yêu cầu ông G có nghĩa vụ trả số tiền nợ 60.687.000 đồng với Hộ kinh doanh T.

Bị đơn Ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 5-7-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương G trình bày cho rằng khoảng thời gian tháng 03-4/2022, ông là con rể sinh sống cùng nhà với cha mẹ vợ là ông H, bà Nguyễn Thị T2. Thời gian này ông có mua thức ăn của Hộ kinh doanh T, nhưng đứng tên trong hợp đồng mua bán là ông H, bà T2. Hiện số tiền mua bán thức ăn còn nợ Hộ kinh doanh T là 60.687.000 đồng thì ông xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng liên đới trả tiền nợ vốn 60.687.000 đồng, không yêu cầu về tiền lãi; bị đơn bà T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả số tiền nợ 60.687.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người đại diện nguyên đơn và bị đơn bà T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả tiền nợ mua bán là 60.687.000 đồng; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng mua bán (tài sản)" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 430 Bộ luật Dân sự; bị đơn ông H, bà T2 cư trú Ấp H, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, nguyên đơn vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa, bị đơn ông H được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả tiền nợ vốn 60.687.000 đồng, không yêu cầu về tiền lãi. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như trên là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông H, bà T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G về việc liên đới trả tiền nợ vốn 60.687.000 đồng theo Hợp đồng mua bán đề ngày 28-6-2022. Thấy rằng, người đại

diện hợp pháp nguyên đơn trình bày cho rằng nguyên đơn ký kết hợp đồng mua bán, công nợ với bị đơn ông H, bà T2, còn những khi bên nguyên đơn giao thức ăn đến tại nhà của bị đơn thì có khi bị đơn hoặc người thân trong gia đình của bị đơn nhận thức ăn và khẳng định yêu cầu bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G liên đới trả tiền nợ vốn 60.687.000 đồng. Bị đơn bà T2 cho rằng khoảng nợ trên với nguyên đơn không phải là của vợ chồng bà, mà là của ông G, do thời điểm đó ông G là con rể sinh sống cùng nhà với vợ chồng bà nuôi tôm thẻ riêng, các hóa đơn hay sổ sách nhận hàng với nguyên đơn là do ông G ký nhận chủ yếu, đôi khi bên nguyên đơn giao hàng đến tận nhà bà mà ông G không có ở nhà thì bà ký nhận hàng thay cho ông G. Tại phiên tòa, bị đơn bà T2 thừa nhận chữ ký tên bên mua "H" trong Hợp đồng mua bán đề ngày 28-6-2022 (bút lục số 28-29) là chữ ký, chữ viết tên của ông H; đồng thời, bà T2 thừa nhận chữ ký tên khách hàng "H" trong Bảng đối chiếu công nợ tháng 8/2022 (bút lục số 30) là chữ ký, chữ viết tên của ông H, chữ ký tên khách hàng "Nguyễn Thị T2" trong Bảng đối chiếu công nợ tháng 03/2023 (bút lục số 31) là chữ ký, chữ viết tên của bà T2, thừa nhận chữ ký tên "Tràm" vào ngày 30-6-2022 trong Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng" (bút lục số 36) là chữ ký của bà; bà T2 cũng thừa nhận khi phía nguyên đơn đến thu tiền thì bà có trả giùm cho ông G số tiền 15.000.000 đồng (ngày 22-8-2022), số tiền 10.000.000 đồng (ngày 23-11-2022), số tiền 2.000.000 đồng (ngày 26-11-2022), những lần này bà ghi tên "Hùng" trong Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng" (bút lục số 38). Xét thấy, thời điểm ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn đề ngày 28-6-2022 và ký Bảng đối chiếu công nợ tháng 8/2022, Bảng đối chiếu công nợ tháng 03/2023, Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng" thì nguyên đơn và bị đơn ông H, bà T2 đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện thực hiện các giao dịch trên nên các bên phải tự chịu trách nhiệm đối với quyền, nghĩa vụ phát sinh theo quy định pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện đối với các bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 117, Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G tuy không trực tiếp ký hợp đồng mua bán, ký công nợ với nguyên đơn nhưng là người thường xuyên trực tiếp nhận hàng, ký tên trong Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng" và ông G đồng ý trả số tiền nợ 60.687.000 đồng cho nguyên đơn nhưng xin trả dần; tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn cùng ông G liên đới trả số tiền nợ 60.687.000 đồng. Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 288, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn cùng ông G liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ 60.687.000 đồng theo Hợp đồng mua bán đề ngày 28-6-2022 và Bảng đối chiếu công nợ tháng 8/2022, Bảng đối chiếu công nợ tháng 03/2023, Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng".

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T đối với vợ chồng bị đơn Ông H, bà Nguyễn Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương G:

1.1. Buộc vợ chồng bị đơn Ông H, bà Nguyễn Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương G có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ông Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T số tiền tổng cộng là 60.687.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo Hợp đồng mua bán đề ngày 28-6-2022, Bảng đối chiếu công nợ tháng 8/2022, Bảng đối chiếu công nợ tháng 03/2023 và Sổ giao nhận hàng mang tên "chú Hùng".

1.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm buộc Ông H, bà Nguyễn Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương G có nghĩa vụ liên đới phải chịu 3.034.300 đồng (bằng chữ: Ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng); hoàn trả cho Ông Nguyễn Thanh T - Chủ hộ kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004699 ngày 23-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Nhẫn